

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG
VÀ KINH DOANH VẬT TƯ**

(Thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2011**

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	4 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	8 - 9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	10 - 30



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

9-19 Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng và Kinh doanh Vật tư (gọi tắt là Công ty mẹ") và các công ty con (Công ty mẹ và các công ty con sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") đệ trình báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty trong giai đoạn và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Bà Đỗ Thị Ngọc Bình	Chủ tịch
Ông Phạm Anh Tuấn	Thành viên
Ông Hoàng Ngọc Minh	Thành viên (miễn nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2011)
Ông Nguyễn Phúc Huy	Thành viên (miễn nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2011)
Bà Nguyễn Thị Minh Hương	Thành viên (miễn nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2011)
Ông Nguyễn Thế Lữ	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	Thành viên (bổ nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2011)
Ông Hoàng Anh Tuấn	Thành viên (bổ nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2011)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Phạm Anh Tuấn	Tổng Giám đốc
Ông Trần Công Quốc Bảo	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phùng Đạt Đức	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Phúc Huy	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2011)
Ông Hoàng Ngọc Minh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Đức Minh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phan Trung Huy	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thanh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 4 tháng 4 năm 2011)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty trong từng giai đoạn. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán.
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không.
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

Phạm Anh Tuấn

Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 8 năm 2011

Số: /2012/Deloitte-AUDHCM-RE

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kính gửi: **Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Xây dựng và Kinh doanh Vật tư**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bằng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011 và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính hợp nhất") của Công ty Cổ phần Xây dựng và Kinh doanh Vật tư (gọi tắt là Công ty mẹ") và các công ty con (Công ty mẹ và các công ty con sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty"), từ trang 4 đến trang 30. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính hợp nhất này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính hợp nhất không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trong kỳ, Công ty đã ghi nhận khoản thu nhập từ hoạt động tài chính phát sinh từ năm 2007 đến năm 2010 vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc 30 tháng 6 năm 2011. Theo ý kiến chúng tôi, việc ghi nhận này chưa phù hợp với các nguyên tắc kế toán được quy định tại Chuẩn mực kế toán số 29 (VAS 29) – Thay đổi chính sách kế toán, ước tính kế toán và những sai sót, và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 (VAS 14) – Doanh thu và thu nhập khác. Do việc hạch toán trên, doanh thu hoạt động tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho giai đoạn 6 tháng kết thúc 30 tháng 6 năm 2011 của Công ty đang trình bày cao hơn thực tế là 6.035.424.506 đồng và lợi nhuận lưu giữ đầu kỳ trình bày thấp hơn một khoản tương ứng.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề được đề cập ở đoạn trên, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011 phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

BÁO CÁO
KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Như trình bày tại Thuyết minh số 4 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty áp dụng việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009 (“Thông tư 201”). Thông tư 201 quy định việc ghi nhận các khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán có sự khác biệt so với Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Ảnh hưởng của việc Công ty áp dụng Thông tư 201 đến báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011 được trình bày tại Thuyết minh số 4.



Võ Thái Hòa
Phó Tổng Giám đốc, kiêm

Giám đốc Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0138/KTV
Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
Ngày 30 tháng 8 năm 2011
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam



Nguyễn Song Toàn
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1551/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011

MẪU B 01-DN/HN

Đơn vị tính: Đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2011	31/12/2010
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.575.115.103.717	1.498.765.305.835
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	57.411.014.251	89.417.591.752
1. Tiền	111		57.411.014.251	53.417.591.752
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	36.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	65.475.655.334	77.439.426.200
1. Đầu tư ngắn hạn	121		70.233.549.926	81.179.138.392
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(4.757.894.592)	(3.739.712.192)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.124.933.774.128	965.540.309.938
1. Phải thu khách hàng	131		959.206.163.443	820.658.138.502
2. Trả trước cho người bán	132		38.701.804.987	58.626.407.402
3. Các khoản phải thu khác	135		133.936.714.122	92.444.037.355
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(6.910.908.424)	(6.188.273.321)
IV. Hàng tồn kho	140	7	284.996.171.106	336.858.171.582
1. Hàng tồn kho	141		285.844.332.550	338.367.090.557
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(848.161.444)	(1.508.918.975)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		42.298.488.898	29.509.806.363
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.018.852.883	5.881.398.426
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		734.524.617	3.892.335.502
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		4.603.181.471	4.297.362.073
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		34.941.929.927	15.438.710.362

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

9-19 Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011

Mẫu B 01-DN/HN

Đơn vị tính: Đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2011	31/12/2010
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		374.410.656.327	380.644.587.748
I. Tài sản cố định	220		294.408.033.894	303.564.477.585
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	33.422.582.782	32.763.667.118
- Nguyên giá	222		79.909.679.727	74.663.860.928
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(46.487.096.945)	(41.900.193.810)
2. Tài sản cố định vô hình	227	9	5.321.906.072	5.483.498.072
- Nguyên giá	228		7.668.016.028	7.668.016.028
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.346.109.956)	(2.184.517.956)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	10	255.663.545.040	265.317.312.395
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		74.394.601.302	73.376.433.234
1. Đầu tư vào công ty con	251	11	10.124.917.464	10.124.917.464
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	12	60.224.601.302	59.206.433.234
3. Đầu tư dài hạn khác	258	13	14.170.000.000	14.170.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	11	(10.124.917.464)	(10.124.917.464)
III. Tài sản dài hạn khác	260		5.608.021.131	3.703.676.929
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	14	1.928.295.856	1.449.110.033
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	15	3.122.253.425	1.965.795.046
3. Tài sản dài hạn khác	268		557.471.850	288.771.850
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.949.525.760.044	1.879.409.893.583

Các thuyết minh kèm theo từ trang 10 đến trang 30 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

9-19 Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011

Mẫu B 01-DN/HN

Đơn vị tính: Đồng

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2011	31/12/2010
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.710.281.763.648	1.625.016.792.414
I. Nợ ngắn hạn	310		1.513.095.097.375	1.400.533.184.897
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	16	972.907.631.191	925.367.116.760
2. Phải trả người bán	312		422.676.900.388	345.897.394.069
3. Người mua trả tiền trước	313		19.788.145.117	29.509.290.206
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	17	2.917.917.953	4.099.004.573
5. Phải trả người lao động	315		3.607.862.286	6.430.098.096
6. Chi phí phải trả	316		18.778.260.728	23.074.799.434
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		63.157.053.332	58.757.312.156
8. Dự phòng phải trả-ngắn hạn	320	18	4.351.566.541	5.191.329.349
9. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		4.909.759.839	2.206.840.254
II. Nợ dài hạn	330		197.186.666.273	224.483.607.517
1. Phải trả dài hạn khác	333	19	128.724.234.088	124.056.789.400
2. Vay và nợ dài hạn	334	20	66.663.309.935	98.772.657.367
3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		1.799.122.250	1.654.160.750
B. NGUỒN VỐN	400		231.677.860.131	246.295.398.216
I. Vốn chủ sở hữu	410	21	231.677.860.131	246.295.398.216
1. Vốn điều lệ	411		100.150.690.000	100.150.690.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		81.585.637.916	81.585.637.916
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		212.945.863	681.880.707
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		13.404.146.472	11.795.294.630
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		10.440.037.257	9.077.152.331
6. Lợi nhuận chưa phân phối	420		25.884.402.623	43.004.742.632
C. LỢI ÍCH CỎ ĐÔNG THIỂU SỐ	500	22	7.566.136.265	8.097.702.953
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.949.525.760.044	1.879.409.893.583

**Phạm Anh Tuấn****Tổng Giám đốc**

Ngày 30 tháng 8 năm 2011

Nguyễn Thị Thanh Hương**Kế toán trưởng**

Các thuyết minh kèm theo từ trang 10 đến trang 30 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

9-19 Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

MẪU B 02-DN/HN

Đơn vị tính: Đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010
1. Doanh thu gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		2.098.809.093.621	1.282.329.472.023
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	23	2.098.809.093.621	1.282.329.472.023
4. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	11	24	(2.019.808.185.628)	(1.233.126.401.784)
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		79.000.907.993	49.203.070.239
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	32.029.428.059	11.635.718.889
7. Chi phí tài chính	22	26	(83.171.823.125)	(37.787.383.446)
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		(80.047.539.162)	(37.299.952.417)
8. Chi phí bán hàng	24		(4.120.632.633)	(2.711.920.895)
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(19.636.591.839)	(19.336.214.449)
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		4.101.288.455	1.003.270.338
11. Thu nhập khác	31		1.839.990.203	504.662.047
12. Chi phí khác	32		(62.648.436)	(757.981.094)
13. Lợi nhuận khác	40		1.777.341.767	(253.319.047)
14. Phần lãi trong công ty liên kết, liên doanh	45	12	2.461.688.934	1.957.888.866
15. Lợi nhuận trước thuế	50		8.340.319.156	2.707.840.157
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	27	(2.679.795.556)	(1.758.153.702)
17. Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại	52	15	1.156.458.379	1.004.639.912
18. Lợi nhuận sau thuế	60		6.816.981.979	1.954.326.367
Phân bổ cho:				
- Lợi ích của cổ đông thiểu số			25.623.672	(614.982.842)
- Lợi ích của Tổng Công ty			6.791.358.307	2.569.309.209
19. Lãi trên cổ phiếu	28		678	276



Phạm Anh Tuấn

Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 8 năm 2011

Nguyễn Thị Thanh Hương

Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

9-19 Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011**Mẫu B 03-DN/HN**

Đơn vị tính: Đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	8.340.319.156	2.707.840.157
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	5.075.266.734	4.719.726.726
Các khoản dự phòng	03	1.080.059.972	(468.390.901)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(18.365.283.585)	(5.698.353.678)
Chi phí lãi vay	06	80.047.539.162	37.299.952.417
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	76.177.901.439	38.560.774.721
Tăng các khoản phải thu	09	(125.191.504.071)	(23.263.753.163)
Giảm/(tăng) hàng tồn kho	10	57.165.198.215	(1.188.088.426)
Tăng/(giảm) các khoản phải trả	11	57.337.856.905	(97.159.324.334)
Giảm chi phí trả trước	12	3.427.978.380	647.967.912
Tiền lãi vay đã trả	13	(93.515.075.340)	(37.038.132.162)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(3.016.123.967)	(3.127.048.447)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	127.255.518.718	71.681.282.603
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(146.769.525.594)	(72.056.302.599)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(47.127.775.315)	(122.942.623.895)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(12.088.751.497)	(27.514.382.997)
2. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	-	3.636.364
3. Tiền chi cho vay và mua công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(2.000.000.000)	(39.229.160.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	13.958.818.466	25.123.560.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(2.266.000.000)	(13.716.574.042)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	2.089.920.000	33.444.000.000
7. Thu lãi tiền gửi, cổ tức được chia	27	13.255.244.989	23.172.024.784
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	12.949.231.958	1.283.104.109

Các thuyết minh kèm theo từ trang 10 đến trang 30 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

Mẫu B 03-DN/HN

Đơn vị tính: Đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	-	39.999.356.500
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	1.726.045.618.063	1.185.843.498.900
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.711.004.943.021)	(1.107.597.481.927)
4. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(12.949.697.531)	(6.773.369.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	2.090.977.511	111.472.004.473
 Lưu chuyển tiền thuần trong giai đoạn	 50	 (32.087.565.846)	 (10.187.515.313)
 Tiền và các khoản tương đương tiền đầu giai đoạn	 60	 89.417.591.752	 74.372.174.639
 Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	80.988.345	-
 Tiền và các khoản tương đương tiền cuối giai đoạn	 70	 57.411.014.251	 64.184.659.326



Phạm Anh Tuấn
Tổng Giám đốc
Ngày 30 tháng 8 năm 2011

(Signature)

Nguyễn Thị Thanh Hương
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

9-19 Hồ Tùng Mậu, Phường Bến Nghé, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

1. THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty mẹ

Công ty mẹ là một công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0301460120 đăng ký lần đầu ngày 4 tháng 3 năm 2003, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 8 tháng 2 năm 2010 của Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh. Cổ phiếu của Công ty mẹ được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 28 tháng 7 năm 2008 với mã chứng khoán là CNT.

Tổng số nhân viên của Công ty mẹ tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 là 302 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 306 người).

Hoạt động chính của Công ty mẹ là kinh doanh vật tư, vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất, chất phụ gia bê tông, nguyên vật liệu cho sản xuất vật liệu xây dựng và hàng trang trí nội thất, thiết bị máy móc và phương tiện vận tải phục vụ thi công, hàng tiêu thụ công nghiệp; xây dựng các công trình công nghiệp, giao thông, thủy lợi, dân dụng, đường dây, trạm biến áp và các công trình xây dựng khác; đầu tư kinh doanh nhà, xe máy, thiết bị, phụ tùng và các phương tiện vận tải, hàng điện tử, gốm sứ, các sản phẩm nhựa, cao su, nông sản, thực phẩm; dịch vụ giao nhận và vận chuyển hàng hóa, kho bãi...

Các công ty con

Công ty TNHH Bê tông đúc sẵn VINA-PSMC (sau đây gọi tắt là “Công ty VINA-PSMC”) là công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 501022000131 do Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Long An cấp ngày 22 tháng 7 năm 2008 và các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh. Hoạt động chính của Công ty VINA-PSMC là thiết kế, sản xuất các sản phẩm bê tông đúc sẵn như bê tông cốt thép dự ứng lực, cọc ván bê tông dự ứng lực hình chữ T, cung cấp, lắp đặt các sản phẩm bê tông đúc sẵn nói trên. Tỷ lệ góp vốn cam kết, quyền biểu quyết và tỷ lệ vốn góp thực tế của Công ty mẹ tại Công ty VINA-PSMC là 70%.

Công ty TNHH Sản xuất và Kinh doanh bao bì C&T - Ukraine (“Công ty C&T - Ukraine”) được thành lập tại Ukraine. Hoạt động chính của Công ty C&T - Ukraine là Sản xuất và kinh doanh bao bì. Tỷ lệ góp vốn cam kết, quyền biểu quyết và tỷ lệ vốn góp thực tế của Công ty mẹ tại Công ty C&T - Ukraine là 100%.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VNĐ), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính của Công ty TNHH Sản xuất và Kinh doanh bao bì C&T-Ukraine, một Công ty con của Tổng Công ty được loại trừ khỏi việc hợp nhất báo cáo tài chính vì Công ty này đã ngừng hoạt động và đang làm thủ tục thoái vốn.

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC (“Thông tư 210”) hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31 tháng 12 năm 2011. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến báo cáo tài chính hợp nhất trong tương lai của Tổng Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty mẹ kiểm soát cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty được đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó. Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng thống nhất tại Công ty mẹ và các công ty con. Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong Tổng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của Tổng Công ty. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ các cổ đông thiểu số phải gánh chịu vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được ghi giảm vào phần lợi ích của Tổng Công ty trừ khi các cổ đông này có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt giai đoạn. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành, chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị ghi sổ của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Năm</u>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	10 – 15
Máy móc thiết bị	3 – 7
Thiết bị văn phòng	3 – 5
Phương tiện vận tải	3 – 8
Tài sản khác	2

Thuê hoạt động

Các khoản thuê hoạt động của Tổng Công ty bao gồm thuê văn phòng và thuê đất. Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê tài sản.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị của quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tổng Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn nên không khấu hao.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng hoặc sản xuất phục vụ mục đích kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm cả chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan được ghi nhận phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Tổng Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Đầu tư dài hạn khác

Đầu tư dài hạn khác là các khoản đầu tư vào đơn vị khác mà Công ty chỉ nắm giữ dưới 20% vốn chủ sở hữu (dưới 20% quyền biểu quyết) và không có ảnh hưởng đáng kể, có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán vốn trên 1 năm. Giá trị khoản đầu tư dài hạn khác được phản ánh theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn khác là dự phòng tổn thất do giảm giá các khoản đầu tư dài hạn hoặc do doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư bị lỗ.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm tiền thuê văn phòng và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Tiền thuê văn phòng trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm chi phí sửa chữa và chi phí phát hành trái phiếu. Chi phí trả trước dài hạn khác được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Tổng Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Tổng Công ty về hợp đồng xây dựng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Mẫu B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***Hợp đồng xây dựng**

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoài trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Ngoại tệ

Tổng Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Thông tư số 201/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này và được xử lý như sau:

- Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tiền, phải thu và phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được ghi nhận trên khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.
- Chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải thu dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ.
- Chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải trả dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ. Trường hợp hạch toán chênh lệch tỷ giá hối đoái vào chi phí làm cho kết quả kinh doanh của công ty bị lỗ thì Công ty có thể phân bổ một phần lỗ chênh lệch tỷ giá trong 5 năm tiếp theo sau khi đã hạch toán lỗ chênh lệch tỷ giá vào chi phí trong năm ít nhất cũng phải bằng chênh lệch tỷ giá của số dư ngoại tệ dài hạn đến hạn trả trong năm đó.

Hướng dẫn của Thông tư số 201/2009/TT-BTC như trên có khác biệt so với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” (VAS10). Theo VAS10, tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty quyết định áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC và tin tưởng việc áp dụng đó cùng với việc đồng thời công bố đầy đủ thông tin về sự khác biệt trong trường hợp áp dụng theo hướng dẫn theo VAS 10 sẽ cung cấp đầy đủ hơn các thông tin cho người sử dụng báo cáo tài chính. Theo đó, việc áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo Thông tư số 201/2009/TT-BTC làm lợi nhuận trước thuế của Tổng Công ty giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011 tăng 468.934.844 đồng (năm 2010: giảm 727.920.635 đồng) và khoản mục “chênh lệch tỷ giá hối đoái” được phản ánh trong mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 sẽ giảm một khoản tương ứng so với áp dụng theo VAS10.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được vốn hóa khi có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán. Các chi phí đi vay khác được ghi nhận vào chi phí trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Mẫu B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dự phòng cho bảo hành sản phẩm được lập cho từng công trình xây lắp có cam kết bảo hành với mức trích lập theo cam kết với khách hàng. Việc trích lập dự phòng chi phí bảo hành của Tổng Công ty được ước tính bằng 2% trên doanh thu.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì không bao gồm các khoản thu nhập tính thuế hay chi phí được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và cũng không bao gồm các khoản thu nhập không chịu thuế và chi phí không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ được ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả và thuế thu nhập hoãn lại của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

9-19 Hồ Tùng Mậu, Phường Bến Nghé, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG TIỀN**

	30/6/2011 VNĐ	31/12/2010 VNĐ
Tiền mặt	2.822.900.982	2.864.492.814
Tiền gửi ngân hàng	54.588.113.269	50.553.098.938
Các khoản tương đương tiền	-	36.000.000.000
	57.411.014.251	89.417.591.752

Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới ba tháng tại ngân hàng với lãi suất từ 2,5% đến 13,5%/năm.

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	30/6/2011 VNĐ	31/12/2010 VNĐ
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	10.382.580.592	9.369.350.592
Đầu tư ngắn hạn khác	59.850.969.334	71.809.787.800
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn	(4.757.894.592)	(3.739.712.192)
	65.475.655.334	77.439.426.200

Đầu tư ngắn hạn khác bao gồm khoản tiền gửi có kỳ hạn trên ba tháng tại các ngân hàng với số tiền 10.000.000.000 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2010: 21.859.787.800 đồng), lãi suất 12%/năm nhằm đảm bảo cho các khoản vay và các khoản cho các công ty liên doanh, liên kết vay.

7. HÀNG TỒN KHO

	30/6/2011 VNĐ	31/12/2010 VNĐ
Nguyên liệu, vật liệu	5.531.300.759	7.195.201.060
Công cụ, dụng cụ	391.431.886	270.615.997
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	198.856.940.064	194.402.279.623
Thành phẩm	8.909.025.421	1.903.244.848
Hàng hóa	68.324.717.478	133.445.038.749
Hàng gửi đi bán	3.830.916.942	1.150.710.280
Cộng	285.844.332.550	338.367.090.557
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(848.161.444)	(1.508.918.975)
	284.996.171.106	336.858.171.582

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

9-19 Hồ Tùng Mậu, Phường Bến Nghé, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà xưởng và vật kiến trúc VNĐ	Máy móc và thiết bị VNĐ	Thiết bị văn phòng VNĐ	Phương tiện vận tải VNĐ	Tài sản khác VNĐ	Tổng VNĐ
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 1/1/2011	15.147.549.679	53.670.604.437	1.191.703.319	4.580.503.493	73.500.000	74.663.860.928
Tăng trong giai đoạn	-	-	83.415.455	-	-	83.415.455
Đầu tư XDCB hoàn thành	994.174.943	4.495.000.000	-	-	-	5.489.174.943
Thanh lý, nhượng bán	-	(300.000.000)	(26.771.599)	-	-	(326.771.599)
Tại ngày 30/6/2011	16.141.724.622	57.865.604.437	1.248.347.175	4.580.503.493	73.500.000	79.909.679.727
KHẤU HAO LŨY KẾ						
Tại ngày 1/1/2011	4.979.029.974	32.301.270.731	918.013.682	3.628.379.423	73.500.000	41.900.193.810
Khấu hao trong giai đoạn	686.178.635	3.919.124.235	80.688.188	227.683.676	-	4.913.674.734
Thanh lý, nhượng bán	-	(300.000.000)	(26.771.599)	-	-	(326.771.599)
Tại ngày 30/6/2011	5.665.208.609	35.920.394.966	971.930.271	3.856.063.099	73.500.000	46.487.096.945
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 30/6/2011	10.476.516.013	21.945.209.471	276.416.904	724.440.394	-	33.422.582.782
Tại ngày 31/12/2010	10.168.519.705	21.369.333.706	273.689.637	952.124.070	-	32.763.667.118

Như trình bày tại Thuyết minh số 16 và 20, Tổng Công ty đã thế chấp một số tài sản với nguyên giá và giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 lần lượt là 42.978.983.697 đồng và 19.075.877.060 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 43.599.028.152 đồng và 20.220.909.270 đồng) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

Nguyên giá của máy móc thiết bị, thiết bị văn phòng, phương tiện vận tải và tài sản khác bao gồm các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị lần lượt là 12.991.088.149 đồng, 761.754.498 đồng, 1.718.392.915 đồng và 73.500.000 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2010: 12.356.394.322 đồng, 731.924.230 đồng, 1.718.392.915 đồng và 73.500.000 đồng).

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VNĐ	Phần mềm máy tính VNĐ	Tổng VNĐ
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 1/1/2011 và 30/6/2011	7.537.894.755	130.121.273	7.668.016.028
KHẤU HAO LŨY KẾ			
Tại ngày 1/1/2010	2.061.396.681	123.121.275	2.184.517.956
Khấu hao trong giai đoạn	159.592.000	2.000.000	161.592.000
Tại ngày 31/12/2010	2.220.988.681	125.121.275	2.346.109.956
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 30/6/2011	5.316.906.074	4.999.998	5.321.906.072
Tại ngày 31/12/2010	5.476.498.074	6.999.998	5.483.498.072

Như trình bày tại Thuyết minh số 20, Tổng Công ty đã thế chấp quyền sử dụng đất có nguyên giá và giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 lần lượt là 6.383.680.000 đồng và 4.162.691.319 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 6.383.680.000 đồng và 4.322.283.319 đồng) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

9-19 Hồ Tùng Mậu, Phường Bến Nghé, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Nguyên giá phần mềm máy tính đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 và 31 tháng 12 năm 2010 với giá trị là 118.121.273 đồng.

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

	30/6/2011	31/12/2010
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Mua sắm tài sản cố định	-	444.618.660
Dự án tổ hợp cao ốc C&T Plaza tại Quận 2	254.340.429.738	236.360.334.439
Công trình mở rộng, nâng cấp cảng Phước Hòa	-	24.568.411.093
Công trình trạm nghiền phục vụ mỏ đá	-	2.750.000.000
Công trình mỏ đá Trà Đước – Kiên Giang	293.675.450	293.675.450
Công trình đường nội bộ và bãi đỗ bê tông, bờ kè	900.272.753	900.272.753
Các dự án khác	129.167.099	-
Tổng	255.663.545.040	265.317.312.395

Dự án tổ hợp cao ốc C&T Plaza tại Quận 2 được hợp tác đầu tư xây dựng và kinh doanh giữa Công ty và Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phát triển Đô thị Sông Đà theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 1023/2009/HTĐT ngày 4 tháng 12 năm 2009. Tổng vốn đầu tư của dự án theo hợp đồng là 1.400 tỷ đồng được góp bởi hai bên theo tỉ lệ 50% để đầu tư dự án Tổ hợp cao ốc C&T Plaza tại Quận 2. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011, dự án đang trong giai đoạn giải phóng mặt bằng với tổng chi phí thực hiện là 254.340.429.738 đồng.

11. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Đầu tư vào Công ty con thể hiện khoản đầu tư vào Công ty TNHH Sản xuất và Kinh doanh bao bì C&T-Ukraine. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn thể hiện khoản trích lập dự phòng cho khoản đầu tư vào Công ty TNHH Sản xuất và Kinh doanh bao bì C&T-Ukraine do công ty này đã tạm ngừng hoạt động, đang làm thủ tục thoái vốn. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty quyết định trình bày khoản đầu tư vào công ty con trên báo cáo hợp nhất của Tổng Công ty theo giá gốc và lập dự phòng giảm giá cho toàn bộ khoản đầu tư là phù hợp với tình hình thực tế của Công ty con.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã xem xét và đánh giá rằng không có các nghĩa vụ nợ tiềm tàng nào phát sinh từ hoạt động của công ty con này. Do đó, dự phòng cho nghĩa vụ nợ tiềm tàng không cần thiết phải trích lập.

12. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết, liên doanh của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ %	Hoạt động chính
Công ty TNHH Thương mại Xây dựng và Kinh doanh nhà An Phúc	4/4 Nguyễn Bình Khiêm, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	50%	50%	Xây dựng dân dụng, công nghiệp, cầu đường, thủy lợi. San lấp mặt bằng. Kinh doanh nhà. Dịch vụ chuyển quyền sử dụng đất. Mua bán thực phẩm tươi sống. Đại lý ký gửi hàng hoá. Dịch vụ nhà đất, môi giới bất động sản. Mua bán bánh kẹo, thiết bị máy móc, vải sợi.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

9-19 Hồ Tùng Mậu, Phường Bến Nghé, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Công ty cổ phần xây dựng và thương mại Ban Tích	49 Lê Quốc Hưng, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh	45,67%	45,67%	Kinh doanh sắt – thép, xi măng, nhựa đường, máy móc thiết bị cho các công trình xây dựng cao ốc văn phòng, đường xá, các công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp, nguyên liệu gỗ, đồ thủ công mỹ nghệ, nông sản và các lĩnh vực dịch vụ khác.
Công ty cổ phần xây dựng và thương mại Biển Tây	49 Lê Quốc Hưng, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh	49,42%	49,42%	Kinh doanh vật liệu xây dựng, chất phụ gia bê tông, hàng trang trí nội thất, máy móc thiết bị thi công xây dựng, hàng thủ công mỹ nghệ. Khai thác khoáng sản. Sản xuất vật liệu xây dựng. Xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, đường dây, trạm biến áp. Kinh doanh nhà, mua bán xe máy, thiết bị phụ tùng và phương tiện vận tải, hàng điện tử, điện lạnh, gốm sứ, sản phẩm nhựa, cao su, nông sản, thực phẩm. Dịch vụ giao nhận hàng hóa, kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô, cho thuê kho bãi, dịch vụ khai thuê hải quan.
Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Phước Hòa	Ấp Phước Lộc, Xã Tân Phước, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu	40%	40%	Khai thác và kinh doanh bến cảng thủy nội địa. Sản xuất và lắp đặt cấu kiện bê tông đúc sẵn. Sản xuất và kinh doanh bê tông tươi, vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất, thiết bị máy móc, phương tiện vận tải phục vụ thi công, hàng tiêu thụ công nghiệp. Xây dựng các công trình công nghiệp, công trình dân dụng, công trình giao thông, công trình thủy lợi, công trình trạm biến áp, đường dây. Dịch vụ giao nhận, vận tải hàng, kho bãi và các hoạt động hỗ trợ vận tải. Dịch vụ bảo trì, ký gửi hàng hoá. Khai thác và kinh doanh khoáng sản.
Công ty cổ phần bao bì Nhơn Trạch	Đường số 2, Khu công nghiệp Nhơn Trạch I, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai	27,12%	27,12%	Sản xuất và kinh doanh bao bì các loại từ giấy, carton, nhựa, gỗ, các mặt hàng dệt may, nhuộm. Mua bán, đại lý ký gởi vật tư hàng hoá ngành sản xuất bao bì, cơ khí. Mua bán vật liệu xây dựng, máy móc, thiết bị, vật tư ngành cơ khí và chế tạo máy, các sản phẩm bằng sành sứ, thủy tinh, sợi, dệt, may, sản phẩm bằng da.



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

9-19 Hồ Tùng Mậu, Phường Bến Nghé, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Mẫu B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Chi tiết số vốn đã đầu tư vào các Công ty liên kết, liên doanh tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 của Tổng Công ty như sau:

	30/6/2011 VNĐ	31/12/2010 VNĐ
Công ty TNHH Thương mại Xây dựng và Kinh doanh nhà An Phúc	26.708.926.057	26.707.442.806
Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Ban Tích	8.065.191.593	8.865.425.975
Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Biển Tây	9.311.217.806	7.214.700.611
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Phước Hòa	2.895.685.182	3.043.125.338
Công ty Cổ phần bao bì Nhơn Trạch	13.243.580.664	13.375.738.504
	60.224.601.302	59.206.433.234

Thông tin tài chính tóm tắt về khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh như sau:

	30/6/2011 VNĐ	31/12/2010 VNĐ
Đầu tư vào các công ty liên kết, liên doanh	53.476.803.000	52.225.803.000
Lãi do đầu tư	6.747.798.302	6.980.630.234
	60.224.601.302	59.206.433.234

	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VNĐ	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 VNĐ
Doanh thu thuần	523.892.843.763	387.343.509.497
Lợi nhuận thuần	5.672.097.842	5.115.987.272
Lợi nhuận thuần từ khoản đầu tư vào công ty liên kết	2.461.688.934	1.957.888.866

13. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

Chi tiết khoản đầu tư dài hạn khác như sau:

	30/6/2011 VNĐ	31/12/2010 VNĐ
Công ty Bê tông Xây dựng Thăng Long	10.200.000.000	10.200.000.000
Dự án BOT cầu Đồng Nai	2.400.000.000	2.400.000.000
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Huy Thực	1.000.000.000	1.000.000.000
Công ty TNHH Xây dựng dân dụng và công nghiệp Phía Nam	570.000.000	570.000.000
	14.170.000.000	14.170.000.000

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011, Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện đánh giá các khoản đầu tư dài hạn khác và không có khoản đầu tư nào giảm giá. Do vậy, Tổng Công ty không trích dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

9-19 Hồ Tùng Mậu, Phường Bến Nghé, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	30/6/2011 VNĐ	31/12/2010 VNĐ
Chi phí thuê văn phòng	426.300.000	609.000.000
Chi phí phát hành trái phiếu	305.555.550	472.222.218
Chi phí sửa chữa văn phòng	523.297.907	367.887.815
Chi phí trả trước dài hạn khác	673.142.399	-
	1.928.295.856	1.449.110.033

15. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÀN LẠI

Dưới đây là thuế thu nhập hoãn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại do Tổng Công ty ghi nhận và sự thay đổi của các khoản mục này trong giai đoạn:

	Khấu hao nhanh VNĐ	Chi phí phải trả và các khoản dự phòng khác VNĐ	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Tại ngày 1/1/2010	92.554.163	1.311.306.513	(16.874.624)	1.386.986.052
Ghi tăng lợi nhuận trong năm	-	561.934.370	16.874.624	578.808.994
Tại ngày 31/12/2010	92.554.163	1.873.240.883	-	1.965.795.046
Ghi tăng lợi nhuận trong giai đoạn	-	1.156.458.379	-	1.156.458.379
Tại ngày 30/6/2011	92.554.163	3.029.699.262	-	3.122.253.425

16. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	30/6/2011 VNĐ	31/12/2010 VNĐ
Nợ ngắn hạn	904.043.731.191	868.063.316.760
<u>Chi tiết:</u>		
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	146.635.052.191	146.162.695.983
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	145.314.837.791	199.072.684.532
Ngân hàng Công thương Việt Nam – Chi nhánh 4	119.928.713.326	149.591.984.863
Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn	175.032.788.882	174.982.878.574
Công ty tài chính cổ phần Xi Măng	39.934.597.054	28.076.971.572
Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	32.863.894.794	18.643.063.885
Ngân hàng cổ phần Quận Đống Đa – Chi nhánh Chợ Lớn	145.224.626.627	135.353.531.951
Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Hà Nội - Chi nhánh Phú Nhuận	90.103.037.526	
Tổng Công ty Xây dựng Số 1	8.906.183.000	16.009.505.400
Cá nhân	100.000.000	170.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số 20)	68.863.900.000	57.303.800.000
	972.907.631.191	925.367.116.760

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

9-19 Hồ Tùng Mậu, Phường Bến Nghé, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Vay ngắn hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 thể hiện các khoản vay từ các ngân hàng thương mại, tổ chức tài chính khác với tổng hạn mức vay là 1.061.807.000.000 đồng với lãi suất lãi tiền vay một năm từ 16,8% đến 21,5%. Trong đó:

- Khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh được đảm bảo bằng việc cầm cố quyền sở hữu phần vốn góp của Công ty tại Công ty cổ phần xây dựng và thương mại Ban Tích và Công ty cổ phần xây dựng và thương mại Biển Tây, toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi tại ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác (khi ngân hàng có yêu cầu), các khoản phải thu (khi ngân hàng có yêu cầu).
- Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất tại Hà Tiên, cổ phiếu Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên 1 và tín chấp.
- Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng Công thương Việt Nam – Chi nhánh 4 được đảm bảo theo theo Hợp đồng thế chấp số 010.022.002 ngày 19 tháng 4 năm 2010 (quyền đòi nợ), Hợp đồng thế chấp số 010.022.003 19 tháng 4 năm 2010 (tài sản là máy móc, thiết bị).
- Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn và Công ty tài chính cổ phần Xi Măng được đảm bảo bằng việc thế chấp thông qua quản lý nguồn thu và tín chấp.
- Khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh được đảm bảo bằng việc cầm cố tài khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng theo hợp đồng cầm cố tài sản số 0136/NHNT ngày 12 tháng 5 năm 2010.
- Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng Quân đội - Chi nhánh Chợ Lớn được đảm bảo bằng quyền sử dụng 13.864 m² đất tại Phường 16, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc sở hữu của Công ty TNHH thương mại xây dựng và kinh doanh nhà An Phúc.
- Khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng phát triển nhà đồng bằng sông Cửu Long đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay theo hợp đồng thế chấp số 0515.08/HDTC ngày 30 tháng 12 năm 2008, 0632.09/HDTC ngày 16 tháng 2 năm 2009, 0591.09/HDTC ngày 21 tháng 7 năm 2009.
- Khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Sài Gòn- Hà Nội (SHB) – Chi nhánh Phú Nhuận được đảm bảo bằng các khoản phải thu từ các Hợp đồng thi công, Hợp đồng thương mại; Hàng hóa tồn kho, hàng hóa được quản lý theo phương thức hàng tồn kho luân chuyển được quy định cụ thể theo hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ và Hợp đồng thế chấp hàng hóa luân chuyển số 03/2011/HĐTCHHLC-PN/SHB PN ngày 19/01/2011.

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	30/6/2011	31/12/2010
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Thuế giá trị gia tăng	2.036.528.331	2.442.606.556
Thuế xuất nhập khẩu	-	321.615.281
Thuế thu nhập doanh nghiệp	33.833.793	555.280.383
Thuế tài nguyên	34.485.240	97.128.096
Thuế thu nhập cá nhân	471.587.289	397.056.657
Các loại thuế khác	341.483.300	285.317.600
	<u>2.917.917.953</u>	<u>4.099.004.573</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

9-19 Hồ Tùng Mậu, Phường Bến Nghé, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***18. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**Dự phòng bảo hành
công trình xây dựng
VNĐ

Tại ngày 1/1/2011	5.191.329.349
Trích lập dự phòng bổ sung trong giai đoạn	659.262.927
Sử dụng trong giai đoạn	(1.499.025.735)
Tại ngày 30/6/2011	4.351.566.541

19. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

	30/6/2011	31/12/2010
	VNĐ	VNĐ
Công ty Đầu tư Xây Dựng Phát triển Sông Đà (*)	70.737.234.088	66.594.289.400
Công ty Cổ phần Xây dựng Số 5 (**)	57.987.000.000	57.462.500.000
	128.724.234.088	124.056.789.400

(*) Khoản vốn góp bởi Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phát triển Đô thị Sông Đà để thực hiện Dự án tổ hợp cao ốc C&T Plaza tại Quận 2 tại ngày kết thúc giai đoạn kế toán. Dự án này được thực hiện bởi Công ty theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 1023/2009/HTĐT ngày 4 tháng 12 năm 2009 như đã trình bày tại Thuyết minh số 10.

(**) Khoản vốn góp bởi Công ty Cổ phần Xây dựng Số 5 để thực hiện Dự án chung cư Mỹ Phúc tại Quận 8 tại ngày kết thúc giai đoạn kế toán. Dự án này được thực hiện bởi Công ty TNHH Thương mại Xây dựng và Kinh doanh nhà An Phúc, công ty liên kết của Công ty.

20. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	30/6/2011	31/12/2010
	VNĐ	VNĐ
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Kiên Giang	30.417.788.518	23.587.240.000
Ngân hàng cổ phần Quận Đới - Chi nhánh Chợ Lớn	670.008.236	670.008.236
Vay dài hạn cá nhân	35.575.513.181	34.515.409.131
Phát hành trái phiếu - kỳ hạn 3 năm	-	40.000.000.000
	66.663.309.935	98.772.657.367

Vay dài hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 thể hiện các khoản vay từ các ngân hàng thương mại, tổ chức tài chính khác và các cá nhân với tổng hạn mức vay là 113.340.817.367 và mức lãi suất lãi tiền vay một năm từ là 19,56% một năm hoặc bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm 12 tháng trả lãi sau cộng 4% một năm. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay đối với các Ngân hàng và các tổ chức tín dụng và tín chấp đối với các cá nhân.

Phát hành trái phiếu được bảo lãnh thanh toán toàn bộ gốc khi đáo hạn bởi Công ty cổ phần chứng khoán Thăng Long, là trái phiếu không chuyển đổi, không tài sản thế chấp để sử dụng cho việc tái cơ cấu tài chính, cải thiện chỉ số thanh toán và đáp ứng một phần cho việc đền bù giải tỏa một số dự án bất động sản, mệnh giá: 1.000.000 VNĐ. Thời hạn 3 năm từ tháng 5 năm 2009, lãi suất 12%/năm cố

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

9-19 Hồ Tùng Mậu, Phường Bến Nghé, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

định cho 06 tháng đầu của năm thứ nhất, sau đó tính bằng lãi suất bình quân huy động tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng của 5 Ngân hàng (Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ngân hàng Công Thương Việt Nam, Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam và Ngân hàng TMCP Quân đội) vào thời điểm tại ngày tính lãi cộng (+) 3,5%/năm.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	30/6/2011 VNĐ	31/12/2010 VNĐ
Trong vòng một năm	68.863.900.000	57.303.800.000
Trong năm thứ hai	1.094.008.236	41.094.008.236
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	65.569.301.699	57.678.649.131
	135.527.209.935	156.076.457.367
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	(68.863.900.000)	(57.303.800.000)
Số phải trả sau 12 tháng	66.663.309.935	98.772.657.367

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	30/6/2011	31/12/2010
Được phép phát hành:		
Số lượng - cổ phần	10.015.069	10.015.069
Mệnh giá - đồng/cổ phần	10.000	10.000
Giá trị - đồng	100.150.690.000	100.150.690.000
Đã được phát hành và góp vốn đủ:		
Số lượng - cổ phần	10.015.069	10.015.069
Mệnh giá - đồng/cổ phần	10.000	10.000
Giá trị - đồng	100.150.690.000	100.150.690.000

Tổng Công ty chỉ có một loại cổ phần thường với mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần thường được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị thuần của Tổng Công ty.

Theo Nghị quyết số 212/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22 tháng 4 năm 2010, Đại hội đồng cổ đông của Tổng Công ty đã thông qua việc phát hành thêm 3.000.000 cổ phần cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ thực hiện quyền là 10:3 (cổ đông sở hữu 10 cổ phần được quyền mua 03 cổ phần phát hành thêm). Việc phát hành thêm cổ phần của Tổng Công ty đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước phê chuẩn tại giấy chứng nhận 629/UBCK-GCN ngày 5 tháng 8 năm 2010. Theo nghị quyết Hội đồng Quản trị ngày 8 tháng 12 năm 2010 về việc kết thúc việc chào bán cổ phần, tổng số cổ phần đã phân phối là 15.069, chiếm 0,5% tổng số cổ phần được phép phát hành, hủy bỏ toàn bộ 2.984.931 cổ phần không phát hành. Số lượng 15.069 cổ phần được chính thức lưu hành ngày 21 tháng 1 năm 2011.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

9-19 Hồ Tùng Mậu, Phường Bến Nghé, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Mẫu B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Chi tiết thay đổi về vốn chủ sở hữu trong giai đoạn như sau:

	Vốn điều lệ VNĐ	Thặng dư vốn cổ phần VNĐ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VNĐ	Quỹ đầu tư và phát triển VNĐ	Quỹ dự phòng tài chính VNĐ	Lợi nhuận chưa phân phối VNĐ	Tổng VNĐ
Tại 1/1/2010	80.000.000.000	61.375.354.000	(46.039.928)	9.906.286.807	6.590.875.607	39.091.543.170	196.918.019.656
Tăng vốn trong năm	20.150.690.000	20.210.283.916	-	-	-	-	40.360.973.916
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	20.346.060.120	20.346.060.120
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	727.920.635	-	-	-	727.920.635
Phân phối quỹ (1)	-	-	-	1.129.161.399	2.258.322.797	(5.692.811.686)	(2.305.327.490)
Trả cổ tức (2)	-	-	-	-	-	(7.000.000.000)	(7.000.000.000)
Giảm khác	-	-	-	759.846.424	227.953.927	(3.740.048.972)	(2.752.248.621)
Tại 31/12/2010	100.150.690.000	81.585.637.916	681.880.707	11.795.294.630	9.077.152.331	43.004.742.632	246.295.398.216
Lợi nhuận trong giai đoạn	-	-	-	-	-	6.791.358.307	6.791.358.307
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	(468.934.844)	-	-	-	(468.934.844)
Phân phối quỹ (1)	-	-	-	1.608.851.842	1.362.884.926	(8.889.094.816)	(5.917.358.048)
Trả cổ tức (2)	-	-	-	-	-	(15.022.603.500)	(15.022.603.500)
Tại 30/6/2011	100.150.690.000	81.585.637.916	212.945.863	13.404.146.472	10.440.037.257	25.884.402.623	231.677.860.131

(1): Số trích lập các quỹ trong kỳ bao gồm số trích lập bổ sung các quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và quỹ khen thưởng phúc lợi của Công ty với số tiền tương ứng 1.257.470.534 đồng, 1.257.470.534 đồng và 5.029.882.135 đồng từ lợi nhuận sau thuế của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 15 tháng 4 năm 2011.

(2): Theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 15 tháng 4 năm 2011, Công ty đã công bố và chi trả cổ tức cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 15.022.603.500 đồng.



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

9-19 Hồ Tùng Mậu, Phường Bến Nghé, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***22. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ**

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần nắm giữ của các cổ đông khác đối với giá trị tài sản thuần và kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con. Tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số được xác định như sau:

Công ty VINA - PSMC
VNĐ

Tại ngày 31/12/2010 và 30/6/2011

Vốn góp của công ty con	23.047.855.969
Trong đó:	
- Vốn phân bổ cho Tổng Công ty	16.126.455.969
- Vốn phân bổ cho cổ đông thiểu số	6.921.400.000
Tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số	30%

Lợi ích của cổ đông thiểu số:

	Công ty VINA – PSMC	
	<u>30/6/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Vốn của cổ đông thiểu số	6.921.400.000	6.921.400.000
Quỹ đầu tư và phát triển	476.240.456	325.648.467
Quỹ dự phòng tài chính	142.872.137	97.694.540
Lợi nhuận chưa phân phối	25.623.672	752.959.946
	7.566.136.265	8.097.702.953

Lợi ích của cổ đông thiểu số từ kết quả hoạt động kinh doanh cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011:

Công ty VINA - PSMC
VNĐ

Lãi trong giai đoạn	85.412.241
Lãi của cổ đông thiểu số từ kết quả hoạt động kinh doanh	25.623.672

23. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Doanh thu bán hàng hóa	2.009.290.120.987	1.221.271.143.081
Doanh thu cung cấp dịch vụ	4.814.312.672	4.685.816.622
Doanh thu kinh doanh bất động sản	4.618.100.694	3.835.549.097
Doanh thu hoạt động xây dựng	80.086.559.268	52.536.963.223
	2.098.809.093.621	1.282.329.472.023

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

9-19 Hồ Tùng Mậu, Phường Bến Nghé, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VNĐ	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 VNĐ
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	1.938.570.098.356	1.181.232.271.109
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	2.763.150.913	1.566.685.765
Giá vốn của hoạt động kinh doanh bất động sản	3.771.312.372	3.131.060.487
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	74.703.623.987	47.196.384.423
	2.019.808.185.628	1.233.126.401.784

25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VNĐ	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 VNĐ
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	15.903.594.651	4.714.814.751
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	32.533.600
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	688.812.694	587.565.175
Lãi bán hàng trả chậm	15.413.747.731	4.693.029.140
Doanh thu hoạt động tài chính khác	23.272.983	1.607.776.223
	32.029.428.059	11.635.718.889

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VNĐ	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 VNĐ
Lãi tiền vay	80.047.539.162	37.299.952.417
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.695.371.461	171.433.321
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	1.018.182.400	300.622.708
Chi phí tài chính khác	410.730.102	15.375.000
	83.171.823.125	37.787.383.446

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

9-19 Hồ Tùng Mậu, Phường Bến Nghé, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VNĐ	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 VNĐ
Lợi nhuận trước thuế	8.340.319.156	2.707.840.157
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(89.829.580)	(11.981.352.004)
Trừ : Lãi đầu tư vào công ty liên kết	(2.461.688.934)	9.801.713.941
Cộng : Các khoản chi phí không được khấu trừ	4.554.779.382	6.648.602.444
Thu nhập chịu thuế	10.343.580.024	7.176.804.538
Thuế suất	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.585.895.006	1.794.201.135
Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp 2% (*)	93.900.550	-
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp năm trước	-	(36.047.433)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp sau điều chỉnh	2.679.795.556	1.758.153.702

(*) Công ty tạm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp đối với khoản tiền thu trước của khách hàng về chuyển nhượng bất động sản.

28. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty mẹ được tính trong giai đoạn như sau:

	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VNĐ	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 VNĐ
Lợi nhuận trong giai đoạn	6.816.981.979	1.954.326.367
Phân bổ cho:		
- Lợi ích của cổ đông thiểu số	25.623.672	(614.982.842)
- Cổ đông của Tổng công ty	6.791.358.307	2.569.309.209
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	6.791.358.307	2.569.309.209
Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền để tính lãi trên cổ phiếu	10.013.404	9.303.867
Lãi trên cổ phiếu	678	276

29. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Tổng Công ty đã có các giao dịch sau đây với các bên liên quan:

	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VNĐ	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 VNĐ
Tổng Công ty xây dựng số 1		
Bán vật tư	-	11.677.824.620
Bán vé máy bay	53.413.000	310.176.000

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

9-19 Hồ Tùng Mậu, Phường Bến Nghé, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Mẫu B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***Công ty TNHH Thương mại Xây dựng và Kinh doanh nhà An Phúc**

Cho vay	700.000.000	36.420.000.000
Lãi vay nhận được	3.896.744.107	1.412.785.000
Chi phí tư vấn	-	3.059.962.059

Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Biển Tây

Bán vật tư	441.354.204	178.318.663
Khai thác đá	2.995.744.808	3.328.433.063
Giao thầu xây lắp	816.299.000	1.851.281.876
Mua vật tư	51.430.776.863	33.143.359.791
Mua đá	3.382.391.368	-
Cho vay	2.500.000.000	-
Cổ tức nhận được	570.850.000	-

Từ 1/1/2011	Từ 1/1/2010
đến 30/6/2011	đến 30/6/2010
<u>VND</u>	<u>VND</u>

Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Ban Tích

Bán vật tư	18.011.857.174	39.848.230.426
Mua vật tư	15.775.236.973	11.265.875.388

Công ty Cổ phần Đầu tư & Xây dựng Phước Hòa

Giao thầu xây lắp	17.117.553.876	20.939.741.229
Bán vật tư	198.037.500	2.432.355.449
Cho thuê thiết bị	318.346.134	2.515.000.000
Cho vay	3.000.000.000	-

Công ty Cổ phần bao bì Nhơn Trạch

Bán vật tư	-	128.546.723
------------	---	-------------

Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:

Từ 1/1/2011	Từ 01/1/2010
đến 30/6/2011	đến 30/6/2010
<u>VND</u>	<u>VND</u>

Lương, thưởng và các khoản phúc lợi khác	909.500.000	710.154.000
--	-------------	-------------

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc giai đoạn hoạt động như sau:

30/6/2011	31/12/2010
<u>VND</u>	<u>VND</u>

Các khoản phải thu thương mại

Tổng Công ty xây dựng số 1	15.634.230.393	23.768.706.294
Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Biển Tây	5.190.977.334	6.371.127.881
Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Ban Tích	4.909.273.777	19.472.653.576
Công ty Cổ phần Đầu tư & Xây dựng Phước Hòa	154.087.500	317.783.029
Công ty Cổ phần bao bì Nhơn Trạch	-	85.434.500

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

9-19 Hồ Tùng Mậu, Phường Bến Nghé, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***Các khoản phải thu khác**Công ty TNHH Thương mại Xây dựng và Kinh doanh
nhà An Phúc

10.768.656.070

7.571.911.963

Công ty Cổ phần Đầu tư & Xây dựng Phước Hòa

3.000.000.000

-

Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Biển Tây

389.271.928

1.286.530.864

Các khoản phải trả thương mại

Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Biển Tây

17.197.706.193

5.146.271.358

Công ty Cổ phần Đầu tư & Xây dựng Phước Hòa

4.372.541.040

4.125.572.476

Các khoản phải trả khác

Tổng Công ty xây dựng số 1

12.806.687.000

1.625.646.031

30/6/2011

31/12/2010

VNĐ

VNĐ

Các khoản cho vayCông ty TNHH Thương mại Xây dựng và Kinh doanh
nhà An Phúc

34.920.000.000

34.920.000.000

Công ty Cổ phần Đầu tư & Xây dựng Phước Hòa

5.900.000.000

5.900.000.000

30. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011 đã được Hội đồng Quản trị Tổng Công ty phê duyệt để phát hành vào ngày 30 tháng 8 năm 2011.

**Phạm Anh Tuấn****Tổng Giám đốc**

Ngày 30 tháng 8 năm 2011

Nguyễn Thị Thanh Hương**Kế toán trưởng**

Văn phòng Hà Nội

Tầng 12A, Tòa nhà Vinaconex
34 Láng Hạ, Quận Đống Đa,
Hà Nội, Việt Nam
Tel : +84 (0)4 6288 3568
Fax: +84 (0)4 6288 5678

Văn phòng Tp. Hồ Chí Minh

Lầu 11, Trung tâm Thương mại Sài Gòn
37 Tôn Đức Thắng, Quận 1
Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Tel : +84 (0)8 3910 0751
Fax: +84 (0)8 3910 0750